

Kh. a h c :	L p h c : 36CXD6	N l m h c : 2012-2013	n VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H n T :	H c p h n : 122067101711 - V d l l L i c n g 2	H c k 8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê Tậ N	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHẫ N						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031091	36CXD6	V» ậ inh C¹ ng Tuẫ Anh	23/12/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
2	3671031254	36CXD6	Trậ Trung Cang	26/12/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
3	3671031212	36CXD6	Lê Quang Cậ	18/10/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
4	3671031117	36CXD6	Nguy n Vậ Cậ ng	20/09/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
5	3671031576	36CXD6	Trậ Minh Cậ ng	26/11/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
6	3671031187	36CXD6	Hà Quang Duy	27/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
7	3671031089	36CXD6	L° ậ ³nh ậ ậ ng	20/10/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	N HP
8	3671031088	36CXD6	B¼ Vậ ậ nh	05/11/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
9	3671031121	36CXD6	Nguy n Thanh Hậ	24/01/1994				9.0			9.0	2.7	5.8	4.1	6.8	
10	3671031231	36CXD6	Nguy n Thậ Hậ	20/10/1994				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
11	3671031227	36CXD6	Bùi Xuân Hậ i	16/02/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
12	3671031125	36CXD6	Huậnh Vậ Huy	16/10/1994				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
13	3671031873	36CXD6	Phan Huy	13/09/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
14	3671031179	36CXD6	Trậ Quang Huy	20/10/1994				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
15	3671031186	36CXD6	Nguy n Thậ Hậ ng	15/05/1994				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
16	3671031154	36CXD6	Nguy n Khậ Khang Nguy°n	14/03/1993				9.0			9.0	2.7	3.8	2.7	5.4	
17	3671031185	36CXD6	Huậnh Nhậ t Khuê	10/11/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
18	3671031236	36CXD6	Thậ Vậ Lâm	15/10/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
19	3671032022	36CXD6	H° Trậ Lâm	21/09/1994				9.0			9.0	2.7	1.3	0.9	3.6	N HP

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CXD6	Ñm h̃ c : 2012-2013	ñ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067101711 - Vđt Ì L̃ c Gng 2	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L P SV	H Vê Tậ N	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TSP: 30.00%	ệ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031230	36CXD6	Nguy n Ho ng Lâm	23/11/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
21	3671031577	36CXD6	Nguy n Th nh Long	11/08/1992				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	N HP
22	3671031142	36CXD6	ệ Hg H u L c	11/09/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
23	3671031253	36CXD6	Trệ Xu n Minh	02/04/1994				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
24	3671031268	36CXD6	Trệ Ho i Nam	23/03/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
25	3671031129	36CXD6	Nguy n V n Ninh	05/06/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
26	3671031241	36CXD6	H Tr² Ngh	18/04/1994				9.0			9.0	2.7	5.3	3.7	6.4	
27	3671032047	36CXD6	Nguy n H u Ngh	28/03/1994				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
28	3671031177	36CXD6	Võ Quang Minh Nh	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
29	3671031174	36CXD6	Nguy n V n Pha	20/06/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
30	3671031099	36CXD6	Nguy n Ho ng Phú	24/12/1994				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
31	3671031130	36CXD6	Lê Hoàng Phúc	04/09/1994				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
32	3671031958	36CXD6	Ho ng Nh Ph ng	20/04/1993				8.0			8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
33	3671031126	36CXD6	ệ o T n Quân	12/06/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
34	3671031595	36CXD6	Nguy n Ng c Quy n	30/08/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
35	3671031181	36CXD6	Nguy n V n Quy n	12/08/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
36	3671031096	36CXD6	Trệ Do n Đt Quy n	20/05/1991				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
37	3671031086	36CXD6	Nguy n Minh Quý	23/12/1993				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
38	3671031257	36CXD6	V» Ng c Sáng	04/10/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	

Khả năng :	Lưu trữ : 36CXD6	Năm học : 2012-2013	Ngày VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
Hạng :	Học phần : 122067101711 - Văn lý Công 2	Học kỳ : HK02	

STT	Mã S´	L_ P SV	H_ Vê Tậ N	NGÀY SINH	_ IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	_ IqM THI	QUY TS : 70.00%	_ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031214	36CXD6	Nguy_ n _ c Tậ	28/08/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
40	3671031232	36CXD6	Ph_ m Tậ Tậ	20/02/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N_ HP
41	3671031122	36CXD6	Ngô Bình Tâm	28/05/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N_ HP
42	3671031164	36CXD6	Bùi Minh Ti/ h	04/02/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
43	3671031160	36CXD6	L_ _ nh T_ nh	05/03/1994				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	
44	3671031261	36CXD6	Nguy_ n S_ Tuậ	10/11/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	N_ HP
45	3671031260	36CXD6	V» H_ ng Tuậ	20/02/1994				8.0			8.0	2.4	3.7	2.6	5.0	
46	3671031264	36CXD6	_ V_ t Th_ ng	30/05/1993				7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
47	3671031166	36CXD6	Vy L_ ThW Th_ c	26/10/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
48	3671031248	36CXD6	Ph_ m Minh Trí	06/11/1994				8.0			8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
49	3671031252	36CXD6	L_ V_ n Trung	09/03/1993				9.0			9.0	2.7	5.3	3.7	6.4	
50	3671031228	36CXD6	L_ _ Ho_ ng V_ t	19/06/1993				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
51	3671031175	36CXD6	_ Tậ Ý	19/01/1993				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	

T'ng s' : 51 h' c sinh sinh vi' n

Tp.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi^on B, M¹ n

Gişo V... Khoa